

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/HSST

Ngày: 12/ 04 /2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoan.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Thị Hương; Bà Phạm Thị Hương Lan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thành, cán bộ Tòa án tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2017/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1972.

HKTT: phường Q T, thành phố H, tỉnh H Y.

Nơi công tác: Phòng Nội vụ - UBND thành phố H Y.

Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Phó trưởng phòng.

Con ông: Nguyễn Văn D - SN: 1942; Con bà: Đỗ Thị H - SN: 1945.

Vợ: Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1972. Có 02 con, con lớn SN: 1997, con nhỏ SN: 2002.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/11/2016 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên. Hiện đang tạm giam; Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Ông Thiều Hữu B, sinh năm 1957.

Trú tại: thôn T, xã T L, huyện V G, tỉnh H Y (có mặt).

- Ông Bùi Đức H, SN 1970.

Trú tại: Đội 8 thôn 3 xã Q C, TP H, tỉnh H Y (có mặt).

- Ông Phạm Văn D; SN 1959.

Trú tại: số 25 Ng Th T; phường L L, TP H, tỉnh H Y (có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn H là Phó Trưởng phòng Nội vụ - Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố (TP) H, được phân công phụ trách lĩnh vực tôn giáo, bầu cử và thi đua khen thưởng. H biết rõ mình không có khả năng xin việc cho các cá nhân vào cơ quan nhà nước, nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân, H đã đưa ra thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ thân thiết với đồng chí lãnh đạo của các cơ quan nhà nước trên địa bàn

tỉnh H Y nên có thể xin được việc làm cho những ai có nhu cầu với điều kiện phải đưa tiền để H chi phí, quan hệ. Tin tưởng thông tin H đưa ra, một số người đã đưa tiền để nhờ H xin việc làm cho người thân của họ. Cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 160.000.000đ của ông Thiều Hữu B.

Khoảng tháng 3/2015, tại nhà ông Trần Quang H, ở số nhà 165, đường B S, phường Q T, Thành phố H, Nguyễn Văn H biết được ông Thiều Hữu B, ở thôn T, xã T L, huyện V G, tỉnh H Y có con trai là anh Thiều Hữu B, SN 1989 mới tốt nghiệp trường Cao đẳng nghề Giao thông vận tải đang có nhu cầu làm việc tại TP H nên H đã nói với ông B là mình có khả năng xin được cho con trai ông B vào làm việc tại Sở Giao thông vận tải tỉnh H Y. Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất trong tháng 6/2015, H sẽ lo cho anh B vào biên chế và làm việc tại Sở Giao thông vận tải tỉnh H Y với chi phí là 240.000.000 đồng, ông B đưa trước 120.000.000 đồng, số còn lại sau khi anh B nhận được quyết định đi làm thì ông B sẽ đưa nốt cho H. Ngày 25/3/2015, ông B đưa cho H số tiền 120.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Thiều Hữu B. Khi nhận tiền, H viết Bản cam kết đề ngày 25/3/2015 thể hiện việc nhận số tiền 120.000.000 đồng của ông B. Đến tháng 6/2015, H nói với ông B chưa lo được cho anh B đi làm đồng thời yêu cầu ông B đưa thêm 40.000.000 đồng để tiếp tục lo việc. Tin tưởng H, ngày 23/6/2015, ông B tiếp tục đưa cho H 40.000.000 đồng, H viết giấy Biên nhận ghi ngày 23/6/2015 thể hiện đã nhận 40.000.000đ của ông B và hẹn đến tháng 8/2015 sẽ lo cho anh B đi làm. Tất cả các lần gặp mặt để thỏa thuận và giao nhận tiền giữa H và ông B đều có sự chứng kiến và diễn ra tại nhà ông Trần Quang H. Sau khi nhận tiền, H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 160.000.000 đồng mà không thực hiện xin việc như đã hứa hẹn. Hồ sơ xin việc của anh B, H đã làm thất lạc đến nay không tìm lại được.

Xác minh tại Sở Giao thông vận tải tỉnh H Y xác định: Sở Giao thông vận tải tỉnh H Y không tiếp nhận hồ sơ và bố trí việc làm cho anh Thiều Hữu B tại Sở Giao thông vận tải tỉnh H Y.

Tại bản Kết luận giám định số 141/PC54 ngày 16/6/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn H được ký và viết trên các tài liệu ký hiệu A1, A2, M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 280.000.000đ của ông Bùi Đức H.

Tháng 9/2015, Nguyễn Văn H nói với chị Bùi Thị T, ở xã L Ph, thành phố H là mình có khả năng xin được 02 chỉ tiêu thi đỗ kỳ thi tuyển công chức tỉnh H Y diễn ra vào tháng 10/2015. Tin tưởng H, chị Th đã giới thiệu H với anh Bùi Thế Nh, ở phường H N, thành phố H để H lo cho cháu anh Nh là chị Bùi Thị H, SN 1993, là con gái ông Bùi Đức H, ở xã Q Ch, thành phố H, tỉnh H Y thi đỗ kỳ thi tuyển công chức năm 2015 và được vào làm tại UBND thành phố H với số tiền chi phí là 280.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận với H, anh Nh đã trao đổi lại với ông H chuẩn bị tiền để anh Nh giao cho H. H không trực tiếp nộp hồ sơ mà hướng dẫn cho ông H nộp hồ sơ dự thi tuyển công chức của chị Bùi Thị H tại bộ phận một cửa Sở Nội vụ tỉnh HY với mục đích tạo tin tưởng cho ông H.

Sau đó, vào các ngày 19/9/2015 và 27/9/2015, tại quán cà phê Mê Trang, đường B S, thành phố H, trước sự chứng kiến của chị Th, anh Nh đã hai lần giao cho H tổng số tiền 280.000.000 đồng (*lần thứ nhất: 50.000.000 đồng; lần thứ hai: 230.000.000 đồng*). Khi giao tiền anh Nh đề nghị H viết giấy biên nhận nhưng H không đồng ý nên anh đã bí mật dùng điện thoại di động ghi âm cuộc đối thoại về việc giao số tiền 230.000.000đ cho H ngày 27/9/2015. Sau khi nhận được tổng số tiền 280.000.000 đồng, H đã sử dụng cá nhân hết mà không thực hiện xin việc cho chị H như hứa hẹn. H nhiều lần trì hoãn, nhất là trốn tránh việc trả lại tiền cho ông H. Ngày 08/4/2016, H gọi điện thoại cho anh Nh hẹn 5 đến 7 ngày sau sẽ gặp nhau để trả anh Nh số tiền đã nhận, nhưng H đã không thực hiện, anh Nh đã dùng điện thoại di động ghi âm lại cuộc nói chuyện. Sau đó, anh Nh đã sao chép 02 đoạn ghi âm vào USB đĩa CD gửi đến Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hưng Yên tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của H.

Xác minh tại Sở Nội vụ tỉnh H Y xác định: Sở Nội vụ tỉnh H Y thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ đúng quy trình quy định; Sở không tiếp nhận hồ sơ dự thi công chức của thí sinh Bùi Thị H, SN 1993, trú tại xã Q Ch, thành phố H, tỉnh H Y.

Tại bản Kết luận giám định số 3639/C54(P6) ngày 06/10/2016 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kèm theo Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại, kết luận: Tiếng nói của người đàn ông được ký hiệu là “H” trong Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Văn H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

3. Hành vi chiếm đoạt số tiền 160.000.000đ của ông Phạm Văn D.

Tháng 6/2013, thông qua sự quen biết, Hùng trao đổi với ông Phạm Văn D mình có khả năng xin việc cho con gái ông D vào làm việc tại UBND thành phố H với số tiền đề chi phí, quan hệ là 160.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin H đưa ra, ông D đã đồng ý nhờ H xin cho con gái là chị Phạm Thị Thúy H - SN 1990 được vào làm nhân viên hợp đồng tại phòng Tài chính kế hoạch của UBND thành phố H trong tháng 9/2013 với số tiền là 160.000.000đ. Tại nhà ông D ở số 25 Ng Th T, phường L L, thành phố H, ông D đã 04 lần đưa cho H tổng số tiền 160.000.000 đồng (*ngày 14/6/2013 đưa 50.000.000 đồng, ngày 22/6/2013 đưa 70.000.000 đồng, ngày 05/7/2013 đưa 20.000.000 đồng, ngày 23/7/2013, đưa 20.000.000 đồng*). Sau mỗi lần nhận tiền, H đều viết biên nhận và nói với ông D mục đích sử dụng số tiền để chi phí quan hệ. H hứa hẹn với ông D sẽ lo cho chị H đi làm trước ngày 15/9/2013. Sau khi nhận được tiền, H đã sử dụng mục đích cá nhân hết mà không thực hiện xin việc làm cho chị H. Đến quá thời hạn, H không thực hiện xin việc như đã hứa hẹn đồng thời trốn tránh trả tiền cho ông D. Sau khi bị ông D đòi tiền nhiều lần, thì vào các ngày 14/10/2014, 26/3/2015, 01/6/2015, 10/7/2015 và 29/9/2015, H đã trả cho ông D được tổng số 102.000.000 đồng (*trong đó có 95.000.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc xe máy trị giá 7.000.000 đồng*); số tiền H chưa trả ông D là 58.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 52/PC54 ngày 09/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận:

+ Phần chữ viết, được viết trên “giấy vay tiền”, ký hiệu A. Với chữ viết mang tên

“Nguyễn Văn H” được viết trên 02 “bản tường trình”, ký hiệu M1, M2. Là chữ viết của cùng một người.

+ Các chữ ký mang tên “Nguyễn Văn H” được ký tại 04 lần vay (nhận) tiền đề các ngày 14/6/2013; 22/6/2013; 05/7/2013; 23/7/2013 trên “giấy vay tiền” ký hiệu A. Với chữ ký mang tên “Nguyễn Văn H” được ký trên 02 “bản tường trình”, ký hiệu M1, M2. Là chữ ký của cùng một người.

- Vật chứng của vụ án bao gồm: 01 USB hiệu PNY8G; 01 đĩa CD màu vàng hiệu MAXWELL và 01 thẻ nhớ Micro SD màu đen (chứa mẫu so sánh để giám định).

Đối với việc Nguyễn Văn H vay tiền của chị Hoàng Thị Th, ở xã L Ph, thành phố H; anh Phạm Ngọc Th, ở phường Q T, thành phố H; chị Hà Thị H, ở xã S M, huyện K và chị Bùi Thị Th, ở xã L Ph, thành phố H với tổng số tiền là 9.580.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là quan hệ dân sự vay mượn nên không xem xét giải quyết

Tại bản cáo trạng số 12/QĐ - VKS – P3 ngày 16/02/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị HĐXX, xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo để xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

Ông Thiều Hữu B; Ông Bùi Đức H và Ông Phạm Văn D đề nghị xử bị cáo H theo qui định của pháp luật và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông B 160 triệu, ông H 280 triệu và ông D 58 triệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có quan điểm: Giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Văn H như nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139; điểm b; p, s khoản 1 Điều 46; điểm c, g khoản 1 Điều 48; Điều 36; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Văn H từ 12 năm đến 13 năm tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Thiều Hữu B số tiền 160 triệu, ông Bùi Hữu H số tiền 280 triệu và ông Phạm Văn D số tiền 58 triệu. Cấm bị cáo H làm nghề nội vụ từ 2 đến 3 năm, thời gian tính từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của Nguyễn Văn H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và người làm chứng, đồng thời phù hợp khách quan với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 9 năm 2015, Nguyễn Văn H là Phó Trưởng phòng Nội vụ - Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh H Y, được phân công

phụ trách lĩnh vực tôn giáo, bầu cử và thi đua khen thưởng. H không được giao nhiệm vụ tuyển dụng và cũng không có khả năng xin việc cho các cá nhân vào cơ quan nhà nước, nhưng H đã đưa ra thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ thân thiết với các đồng chí lãnh đạo của tỉnh và thành phố H nên có khả năng xin được việc làm cho những ai có nhu cầu vào làm việc tại Ủy ban thành phố hoặc các Sở; Ngành của tỉnh. Tin vào lời nói của H là thật nên các ông Thiều Hữu B; Bùi Đức H và Phạm Văn D đã đưa tiền cho H, trong đó ông B đưa 160 triệu; ông H 280 triệu và ông D 160 triệu, tổng số tiền 600.000.000đ để nhờ H xin việc làm cho người thân. Sau khi nhận tiền H không thực hiện việc xin việc làm như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên để tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và số tiền chiếm đoạt trên 500 triệu đồng. Nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Văn H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H là rất nghiêm trọng, chỉ trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 9 năm 2015, lợi dụng cương vị là phó trưởng phòng Nội vụ Ủy ban nhân dân thành phố H, bị cáo H đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt của các ông Thiều Hữu B; Bùi Đức H và Phạm Văn D số tiền 600 triệu đồng. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: Lợi dụng chức vụ để phạm tội và phạm tội nhiều lần, qui định tại điểm c, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, uy tín, danh dự của cán bộ công chức công tác trong các cơ quan Nhà nước, gây sự hoài nghi thiếu tin tưởng của nhân dân về sự thiếu công khai, minh bạch trong việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với các cơ quan công quyền, cũng như tạo ra một tư tưởng, tiền lệ xấu về việc dùng tiền làm phương tiện để bôi trơn và chạy chọt khi có việc quan hệ với các cơ quan, tổ chức. Vì vậy, cần xử Bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian có như vậy mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Đồng thời xét thấy cần thiết phải cấm bị cáo giữ các chức vụ liên quan đến quản lý một thời gian sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo được hưởng một số tình tiết đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường khắc phục được một phần hậu quả, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố H tặng Bằng khen, Giấy khen. Bố mẹ bị cáo là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng Huân chương, Huy chương. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b; p; s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Mặt khác căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 144/2016/QH13, ngày 29/06/2016 và theo nguyên tắc có lợi thì Hội đồng xét xử sẽ áp

dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét bị cáo phạm tội vì động cơ vụ lợi nhưng hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Văn H chiếm đoạt của các ông Thiều Hữu B; Bùi Đức H và Phạm Văn D tổng số tiền 600.000.000đ, Bị cáo mới trả cho ông D 102 triệu. Nay ông B, ông H và ông D yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 498 triệu là có căn cứ, sẽ buộc bị cáo phải trả lại cho ông B số tiền 160 triệu, ông H số tiền 280 triệu và ông D số tiền 58 triệu.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Về tội danh và hình phạt:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng: điểm a, khoản 4 Điều 139; điểm b, điểm p, điểm s khoản 1 Điều 46; điểm c; g khoản 1 Điều 48; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn H 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24/11/2016.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn H giữ các chức vụ liên quan đến quản lý thời hạn 3 (ba) năm, tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho Ông Thiều Hữu B, ở thôn T, xã TL, huyện V G, tỉnh H Y số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu). Ông Bùi Đức H, ở Đội 8 thôn 3 xã Q C, thành phố H, tỉnh H Y số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu). Ông Phạm Văn D ở số 25 Ng Th T; phường L L, thành phố H, tỉnh H Y số tiền 58.000.000đ (năm mươi tám triệu).

***Án phí:** Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm hình sự và 24.900.000đ án phí dân sự. Cộng bằng: 25.100.000đ (Hai mươi năm triệu một trăm).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu Nguyễn Văn H không thi hành án về khoản bồi thường thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Văn H; các ông Thiều Hữu B; Bùi Đức H và Phạm Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan hồ sơ NVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; Người bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoan